TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 9 – 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong;

2. Bà Phạm Thị Bích Ly;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị R**.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Danh Thanh Q**.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-7-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị R trình bày:

Về Q hệ hôn nhân: Chị R với anh Danh Thanh Q có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh, chị không còn chung sống với nhau, chị R đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được. Chị R không muốn sống chung với anh Q nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung, tên là Danh Thị Hồng N, sinh ngày 12-5-2012 và Danh Thanh H, sinh ngày 07-02-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị R yêu cầu giao cháu N cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu đang sống chung với anh Q; còn cháu H đang sống chung với chị nên giao cháu H cho chị nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi; chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Thanh Q:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh biết nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị R. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt không có lý do và chị R có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho anh biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, anh Q cũng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân cho chị R ly hôn với anh Q; giao con chung là cháu Danh Thanh H cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Danh Thị Hồng N cho anh Q nuôi dưỡng; còn về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung, chị R và anh Q không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Thạch Thị R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Danh Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị R được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

[2.1] Về Q hệ hôn nhân: Chị R và anh Q kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 22-4-2013. Chị R có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì tại khoản 1 Điều luật này quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn".

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị R thì chị với anh Q chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau khi kết hôn, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị cố hàn gắn tình cảm nhưng không được, chị không còn muốn sống chung với anh Q nữa, hiện nay không còn sống chung với nhau. Tòa án đã mời hai bên hòa giải nhằm động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau nhưng không thành, đồng thời chị R vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những phân tích trên cho thấy, chị R và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị R, cho chị ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị R và anh Q có với nhau 02 con chung, tên là Danh Thị Hồng N, sinh ngày 12-5-2012 và Danh Thanh H, sinh ngày 07-02-2016. Chị R yêu cầu được nuôi cháu H; giao cháu N cho anh Q. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem

xét nguyện vọng của con". Theo đơn yêu cầu ngày 17-8-2020, đứng tên Thạch Thị R và có ghi nhận ý kiến của cháu Danh Thị Hồng N thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với anh Q. Vì vậy, cần giao cháu N cho anh Q nuôi dưỡng; còn cháu H hiện nay sống chung chị R nên giao cháu cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi, nhằm để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại làm ảnh hưởng đến tâm lý của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Đáng lẽ ra, chị R và anh Q là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh, chị không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định: "Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở". Như vậy, chị R và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị R và anh Q đều không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Như vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị R là người yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị phải chịu 300.000 đồng án phí trong vụ án ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về Q hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị R và anh Danh Thanh Q.

2. Về con chung:

- Giao cháu Danh Thanh H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2016 cho chị Thạch Thị R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Giao cháu Danh Thị Hồng N, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 cho anh Danh Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Chị Thạch Thị R và anh Danh Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Thạch Thị R và anh Danh Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị R và anh Danh Thanh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị R phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí trong vụ án ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002446 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị R đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh